

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 805/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 07 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH THỰC HIỆN QUY HOẠCH HẠ TẦNG THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị quyết số 90/NQ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 51/TTr-BTTTT ngày 06 tháng 6 năm 2024 về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Các Tập đoàn, tổng công ty/công ty: VNPT, Viettel, Mobifone, Gtel, CMC, Indochina Telecom, VTC, VietnamPost, Viettel Post, FPT;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTg, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KSTT (2b).

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Trần Lưu Quang

KẾ HOẠCH

THỰC HIỆN QUY HOẠCH HẠ TẦNG THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 805/QĐ-TTg ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

I. MỤC ĐÍCH

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm triển khai thực hiện Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi tắt là Quy hoạch).
- Định hướng cho các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong việc phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan để thực hiện hiệu quả Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông.

II. YÊU CẦU

- Cụ thể hóa các nhiệm vụ, chính sách, giải pháp và huy động nguồn lực gắn với trách nhiệm của các bộ, cơ quan trung ương, địa phương trong việc triển khai thực hiện Quy hoạch, phù hợp

với mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung của Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông đã được phê duyệt.

2. Kế hoạch thực hiện Quy hoạch đảm bảo tính linh hoạt trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ, dự án Quy hoạch theo từng thời kỳ, phù hợp với bối cảnh và nguồn lực quốc gia.

III. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

Kế hoạch thực hiện Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được xây dựng căn cứ quy định tại Điều 45 Luật Quy hoạch, bao gồm các nội dung chính sau:

1. Dự án đầu tư công

- Ưu tiên bố trí vốn đầu tư công sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước để thực hiện các dự án phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông do các bộ, ngành, địa phương (Bộ, ngành, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố) chủ trì phù hợp với Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông. Trong đó:

+ Nhóm các dự án hạ tầng thông tin và truyền thông ưu tiên đầu tư do Bộ Thông tin và truyền thông chủ trì, tổ chức, điều phối: (1) Nhóm dự án hạ tầng bưu chính, bao gồm cả các dự án phục vụ quản lý nhà nước về bưu chính; (2) Nhóm dự án hạ tầng số, bao gồm cả các dự án phục vụ quản lý nhà nước về viễn thông; (3) Nhóm dự án ứng dụng công nghệ thông tin, bao gồm cả các dự án phục vụ quản lý nhà nước về ứng dụng công nghệ thông tin; (4) Nhóm dự án công nghiệp công nghệ thông tin, bao gồm cả các dự án phục vụ quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ thông tin; (5) Nhóm dự án an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bao gồm cả các dự án phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng.

+ Nhóm các dự án hạ tầng thông tin và truyền thông ưu tiên đầu tư do các bộ, ngành, địa phương (Bộ, ngành, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố) chủ trì, tổ chức, điều phối: (1) Nhóm dự án hạ tầng số, bao gồm cả các dự án phục vụ quản lý nhà nước về viễn thông; (2) Nhóm dự án ứng dụng công nghệ thông tin, bao gồm cả các dự án phục vụ quản lý nhà nước về ứng dụng công nghệ thông tin; (3) Nhóm dự án công nghiệp công nghệ thông tin, bao gồm cả các dự án phục vụ quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ thông tin; (4) Nhóm dự án an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bao gồm cả các dự án phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng.

- Giai đoạn 2021 - 2025: Xây dựng và bổ sung, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn để đề xuất thêm các dự án phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông.

- Giai đoạn 2026 - 2030: Xây dựng, triển khai, đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn các dự án đầu tư phù hợp với yêu cầu phát triển, định hướng tại Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2024.

2. Dự án đầu tư sử dụng các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công

- Các dự án đầu tư sử dụng các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công bao gồm nhóm các dự án hạ tầng thông tin và truyền thông ưu tiên đầu tư do các doanh nghiệp thực hiện, cụ thể: (1) Nhóm dự án hạ tầng bưu chính; (2) Nhóm dự án hạ tầng số, bao gồm cả các dự án cung cấp thông tin phục vụ quản lý nhà nước về viễn thông; (3) Nhóm dự án ứng dụng công nghệ thông tin; (4) Nhóm dự án công nghiệp công nghệ thông tin; và (5) Nhóm dự án an toàn thông tin mạng, an ninh mạng.

- Kêu gọi thực hiện các dự án đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng hạ tầng thông tin và truyền thông sử dụng các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công: Thực hiện theo Quyết định số 1831/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành danh mục quốc gia các dự án kêu gọi đầu tư nước ngoài giai đoạn 2021 - 2025, đồng thời thu hút các dự án phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông phù hợp với mục tiêu, định hướng tại Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2024.

3. Kế hoạch sử dụng đất

Việc bố trí sử dụng đất cho phát triển kết cấu hạ tầng thông tin và truyền thông quốc gia phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất quốc gia (thực hiện theo Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội về Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025), quy hoạch không gian biển quốc gia và phù hợp với các định hướng xác định tại Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2024.

Khuyến khích gắn kết các công trình hạ tầng thông tin và truyền thông với các công trình phát triển công nghiệp công nghệ số, chính phủ số, kinh tế số, xã hội số theo hướng hình thành hệ sinh thái để nâng cao hiệu quả khai thác các nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế, xã hội và bảo đảm quốc phòng an ninh.

Hạ tầng thông tin và truyền thông trên các địa bàn các tỉnh, thành phố được cập nhật, tích hợp trong Quy hoạch của địa phương để bố trí quỹ đất và tổ chức triển khai đồng bộ. Kế hoạch đất sử dụng phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông theo Quy hoạch được xác định trong kế hoạch sử dụng đất của địa phương; Các địa phương căn cứ nhu cầu phát triển, quy hoạch tỉnh và các quy định có liên quan để bố trí diện tích đất phù hợp.

4. Chính sách, giải pháp

a) Về thực hiện quy định của pháp luật về quy hoạch

- Công bố Quy hoạch, cung cấp thông tin Quy hoạch cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân; theo dõi, giám sát, đánh giá thực hiện Quy hoạch.

- Cung cấp các dữ liệu quy hoạch phục vụ xây dựng Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch.

- Lưu trữ hồ sơ Quy hoạch.

- Báo cáo, đánh giá việc thực hiện Quy hoạch theo định kỳ hằng năm, 05 năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

b) Về phát triển và sử dụng nguồn lực để thực hiện Quy hoạch

Triển khai đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm các nhóm giải pháp: (1) cơ chế, chính sách, trong đó ưu tiên rà soát, bổ sung các vấn đề, quy định liên quan thể chế số nhằm phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông trên môi trường số, xử lý các quan hệ mới phát sinh, chủ thể mới trên hạ tầng số; (2) khoa học và công nghệ, môi trường, trong đó ưu tiên các giải pháp về thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, chuyển đổi xanh trong lĩnh vực thông tin và truyền thông; (3) phát triển nguồn nhân lực, trong đó ưu tiên phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, phổ cập, đào tạo kỹ năng số phục vụ phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số; (4) phát triển thị trường, dịch vụ, trong đó ưu tiên phát triển thị trường mới, dịch vụ mới phù hợp với xu hướng hội tụ công nghệ; (5) huy động vốn đầu tư, trong đó phân bổ nguồn vốn đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào các công trình động lực, có tính lan tỏa, kết nối vùng miền; (6) hợp tác quốc tế, trong đó ưu tiên thu hút nội lực và ngoại lực, tạo đột phá về công nghệ, vốn và khoa học quản trị cho phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông; (7) tổ chức thực hiện và giám sát quy hoạch được quy định cụ thể tại Mục VII. Giải pháp thực hiện quy hoạch của Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Các bộ, ngành, địa phương, các tổ chức, cá nhân triển khai Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch trong phạm vi chức năng, quyền hạn và theo thẩm quyền. Cụ thể:

1. Bộ Thông tin và Truyền thông

- Tổ chức công bố Quy hoạch, cung cấp thông tin Quy hoạch cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 42 của Luật Quy hoạch; theo dõi, giám sát, đánh giá thực hiện Quy hoạch theo khoản 2 Điều 19, Điều 50 Luật Quy hoạch và Điều 6 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ.

- Triển khai lưu trữ hồ sơ Quy hoạch theo quy định tại Điều 44 của Luật Quy hoạch; cung cấp dữ liệu Quy hoạch phục vụ xây dựng Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương quản lý và tổ chức thực hiện Quy hoạch; Hướng dẫn, chỉ đạo các doanh nghiệp tổ chức triển khai Quy hoạch, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch. Định kỳ tổ chức đánh giá thực hiện Quy hoạch, rà soát, điều chỉnh Quy hoạch theo quy định.

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo, đánh giá việc thực hiện Quy hoạch định kỳ hằng năm, 05 năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

- Phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương liên quan trong việc phát triển nguồn nhân lực, nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong quản lý và thực hiện Quy hoạch.

- Tổ chức quản trị thực hiện Quy hoạch thông qua tổ chức đo lường, giám sát các chỉ tiêu phát triển như được quy định tại Mục II. Yêu cầu phát triển của Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và các địa phương tổng hợp nguồn vốn triển khai dự án đầu tư công trung hạn và hàng năm, trình cấp có thẩm quyền theo quy định pháp luật về đầu tư công và pháp luật về ngân sách nhà nước.

- Theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông nghiên cứu, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư để thúc đẩy phát triển cơ sở hạ tầng, bao gồm hạ tầng thông tin và truyền thông.

- Đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư nhằm thu hút nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng thông tin và truyền thông phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Bộ Tài chính

- Chủ trì tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, quyết định bố trí ngân sách nhà nước để thực hiện các yêu cầu phát triển về hạ tầng thông tin và truyền thông phù hợp với yêu cầu thực tiễn và khả năng của ngân sách nhà nước trong từng thời kỳ.

- Theo chức năng nhiệm vụ được giao, chủ trì phối hợp với các bộ ngành có liên quan ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách để các doanh nghiệp đầu tư phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông có cơ chế tiếp cận các nguồn hỗ trợ cho doanh nghiệp một cách thuận lợi.

4. Bộ Công an

Bộ Công an chủ trì xây dựng Nghị định quy định điều kiện kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng; nghiên cứu, rà soát, đề xuất xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn về an ninh mạng; phát triển các hệ thống kỹ thuật để phục vụ hoạt động giám sát, bảo đảm an ninh mạng quy mô quốc gia.

5. Bộ Công Thương

Căn cứ theo phạm vi, đối tượng, điều kiện được quy định tại Nghị định số 80/2024/NĐ-CP ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về cơ chế mua bán điện trực tiếp giữa Đơn vị phát điện năng lượng tái tạo và Khách hàng sử dụng điện lớn, Bộ Công Thương có trách nhiệm hướng dẫn Trung tâm dữ liệu tham gia cơ chế mua bán điện trực tiếp với đơn vị phát điện năng lượng tái tạo trong trường hợp đáp ứng quy định tại Nghị định số 80/2024/NĐ-CP.

6. Bộ Xây dựng

Theo chức năng nhiệm vụ được giao, chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai các giải pháp để đảm bảo sử dụng chung cơ sở hạ tầng, phát triển hạ tầng thông minh.

7. Bộ Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch sử dụng đất 05 năm 2021 - 2025 của các tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050, trên cơ sở đó các địa phương triển khai thực hiện theo quyết định phê duyệt; thẩm tra khung chính sách về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo chức năng được giao, về đánh giá tác động môi trường khi thực hiện các dự án thuộc Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông.

8. Bộ Giáo dục và Đào tạo

Theo chức năng nhiệm vụ được giao, chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng, đổi mới chương trình đào tạo để thích ứng với sự phát triển của công nghệ, phù hợp với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực thông tin và truyền thông; xây dựng chương trình và kế hoạch đào tạo để bảo đảm nguồn nhân lực đủ về số lượng và chất lượng.

9. Bộ Khoa học và Công nghệ

Bộ Khoa học công nghệ căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông trong việc xây dựng chương trình, đề án, nhiệm vụ, các cơ chế chính sách để ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành nhằm khuyến khích các tập đoàn, doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu phát triển, làm chủ các công nghệ mới; thúc đẩy đổi mới sáng tạo thông qua phát triển nền tảng số, hạ tầng số; tổ chức nghiên cứu, xây dựng ban hành các tiêu chuẩn quy chuẩn; tăng cường năng lực nghiên cứu phát triển trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

10. Các bộ ngành có liên quan

- Các bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư bố trí hoặc trình cơ quan có thẩm quyền bố trí nguồn lực để thực hiện quy hoạch.

- Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng báo cáo đánh giá thực hiện Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông theo quy định của pháp luật về quy hoạch; tổ chức triển khai các nhiệm vụ được phân công theo chức năng, nhiệm vụ, chủ động xây dựng các đề án, dự án nhằm xây dựng hạ tầng thông tin và truyền thông đặc biệt là hạ tầng phục vụ chuyển đổi số ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ.

11. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

- Tổ chức thực hiện quản lý nhà nước về hạ tầng thông tin và truyền thông theo quy định của pháp luật trong phạm vi địa phương; tăng cường sử dụng chung cơ sở hạ tầng liên ngành, bố trí, quản lý chặt chẽ quỹ đất phục vụ triển khai Quy hoạch.

- Căn cứ Kế hoạch này xây dựng kế hoạch thực hiện hoặc lồng ghép các nội dung Quy hoạch vào chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ, giải pháp triển khai tổ chức thực hiện tại địa phương.

- Rà soát các quy hoạch, dự án trên địa bàn địa phương bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông. Cập nhật nội dung Quy hoạch địa phương bảo đảm tuân thủ các định hướng phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông tại địa phương theo quy hoạch ngành quốc gia.

- Chủ động huy động nguồn vốn hợp pháp, bố trí ngân sách địa phương để phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông thuộc địa phương quản lý.

- Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng báo cáo đánh giá thực hiện Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông theo quy định của pháp luật về quy hoạch; Tổ chức triển khai các nhiệm vụ được phân công theo chức năng, nhiệm vụ, chủ động xây dựng các đề án, dự án nhằm xây dựng hạ tầng thông tin và truyền thông đặc biệt là hạ tầng phục vụ chuyển đổi số ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ.

12. Các tập đoàn, doanh nghiệp thuộc lĩnh vực thông tin và truyền thông

- Các tập đoàn, doanh nghiệp thuộc lĩnh vực thông tin và truyền thông xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch, quy hoạch phát triển của mình phù hợp với Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Đầu tư, mở rộng và hiện đại hóa hạ tầng thông tin và truyền thông để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

PHỤ LỤC I

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CỤ THỂ THỰC HIỆN QUY HOẠCH

(Kèm theo Kế hoạch tại Quyết định số 805/QĐ-TTg ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Chỉ tiêu	Cơ quan theo dõi, đánh giá	Đơn vị thực hiện
I	Đến năm 2025		Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thông tin và
1	Mạng bưu chính		

			truyền thông
	<p>Các Trung tâm Bưu chính khu vực và Trung tâm Bưu chính vùng thuộc Mạng bưu chính công cộng theo Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2024:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các Trung tâm Bưu chính khu vực trên cả nước bảo đảm năng lực khai thác bình quân đạt trên 11.000 tấn bưu gửi/ngày, phạm vi phục vụ bình quân 350 km. - Các Trung tâm Bưu chính vùng trên cả nước bảo đảm năng lực khai thác bình quân trên 4.500 tấn bưu gửi/ngày, phạm vi phục vụ bình quân 115 km. - Tổng năng lực khai thác phục vụ của mạng bưu chính đạt trên 93.000 tấn bưu gửi/ngày, thời gian giao hàng liên tỉnh và quốc tế (phân xử lý giữa các trung tâm) tối đa 5 ngày, thời gian giao hàng nội vùng tối đa 2 ngày. 	Bộ Thông tin và Truyền thông	
2	Hạ tầng số		
2.1	Mạng băng rộng cố định đáp ứng quy chuẩn quốc gia (QCVN) về chất lượng dịch vụ với mục tiêu phổ cập được tới tất cả các thôn, bản, bảo đảm 100% số hộ gia đình có khả năng tiếp cận cáp quang khi có nhu cầu với 90% người sử dụng có thể truy nhập Internet cố định, tốc độ trung bình 200 Mb/s; 90% các tổ chức kinh tế - xã hội như doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, trường học, bệnh viện, công sở tại khu vực thành thị có thể truy nhập Internet với tốc độ trung bình 01 Gb/s.	Bộ Thông tin và Truyền thông	
2.2	Mạng băng rộng di động đáp ứng quy chuẩn quốc gia (QCVN) về chất lượng dịch vụ, với mục tiêu tốc độ tải xuống trung bình tối thiểu 40 Mb/s cho mạng 4G và 100 Mb/s cho mạng 5G; 100% dân số ở độ tuổi trưởng thành có điện thoại thông minh.	Bộ Thông tin và Truyền thông	
2.3	100% các khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, trung tâm nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo có thể truy nhập Internet với tốc độ tối thiểu 1Gb/s.	Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức, phối hợp với các bộ ngành, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp có liên quan	

2.4	100% các cơ quan Đảng, Nhà nước từ Trung ương đến cấp xã được kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước.	Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức, phối hợp với các bộ ngành, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp có liên quan	
2.5	100% cơ quan thuộc Chính phủ dùng hệ sinh thái điện toán đám mây phục vụ Chính phủ số.	Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức, phối hợp với các bộ ngành, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp có liên quan	
2.6	70% doanh nghiệp Việt Nam sử dụng dịch vụ điện toán đám mây do doanh nghiệp trong nước cung cấp.	Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức, phối hợp với các bộ ngành, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp có liên quan	
2.7	100% hạ tầng thiết yếu như giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị có khả năng tích hợp cảm biến và ứng dụng IoT.	Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức, phối hợp với các bộ ngành, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp có liên quan	
2.8	Đạt tối thiểu 1 triệu tên miền “.vn”, chiếm tối thiểu 60% tên miền sử dụng ở Việt Nam.	Bộ Thông tin và Truyền thông	
3	Hạ tầng ứng dụng công nghệ thông tin		
	Đạt và vượt các chỉ tiêu về ứng dụng công nghệ thông tin tại phần 1, mục II, Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, các chỉ tiêu tại mục III, Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030” và các chỉ tiêu tại phần 1a, 2a, mục III, Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.	Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức, phối hợp với các bộ ngành, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp có liên quan	
4	An toàn thông tin mạng, an ninh mạng cho Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số		
	100% hệ thống thông tin của các cơ quan nhà	Bộ Thông tin và Truyền	

	<p>nước được bảo đảm an toàn theo cấp độ hệ thống thông tin;</p> <p>100% bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện bảo đảm an toàn thông tin mạng theo mô hình 4 lớp;</p> <p>100% thiết bị đầu cuối của các cơ quan nhà nước được cài đặt giải pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng;</p> <p>100% người sử dụng Internet được tiếp cận thông tin, tài liệu nâng cao nhận thức, kỹ năng và công cụ, dịch vụ an toàn thông tin mạng cơ bản;</p> <p>Mỗi cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có tối thiểu 01 đơn vị chuyên nghiệp bảo vệ an toàn thông tin mạng, mỗi người dân có tối thiểu 01 công cụ bảo vệ an toàn thông tin mạng;</p> <p>Hệ sinh thái sản phẩm an toàn thông tin mạng Việt Nam đạt 100% chủng loại, phát triển từ 3 - 5 sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin trọng điểm, chiếm lĩnh thị trường trong nước, có khả năng cạnh tranh quốc tế.</p>	<p>thông tổ chức, phối hợp với các bộ ngành, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp có liên quan</p>	
II	Đến năm 2030		
1	<p>Các Trung tâm Bưu chính khu vực và Trung tâm Bưu chính vùng thuộc Mạng bưu chính công cộng theo Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2024:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năng lực khai thác bình quân của Trung tâm Bưu chính khu vực đạt trên 15.750 tấn bưu gửi/ngày. - Các Trung tâm Bưu chính vùng có năng lực khai thác bình quân trên 5.000 tấn bưu gửi/ngày. 	Bộ Thông tin và Truyền thông	
2	<p>Hạ tầng mạng truy cập băng rộng cố định được đầu tư, nâng cấp bảo đảm 100% người sử dụng có khả năng truy nhập với tốc độ trên 1Gb/s.; Mạng băng rộng di động 5G phủ sóng 99% dân số, hướng tới phát triển mạng di động tiên tiến thế hệ tiếp theo.</p>	Bộ Thông tin và Truyền thông	

3	100% cơ quan nhà nước, doanh nghiệp nhà nước và trên 50% người dân sử dụng các dịch vụ điện toán đám mây do doanh nghiệp trong nước cung cấp.	Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức, phối hợp với các bộ ngành, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp có liên quan	
---	---	---	--

PHỤ LỤC II

DANH MỤC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH

(Kèm theo Kế hoạch tại Quyết định số 805/QĐ-TTg ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian
I	Nhiệm vụ thực hiện theo pháp luật về quy hoạch			
1	Tổ chức công bố, cung cấp thông tin về Quy hoạch, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành, các địa phương, các doanh nghiệp	2024
2	Lưu trữ Hồ sơ quy hoạch; Cung cấp dữ liệu quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông phục vụ xây dựng Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2024 - 2025
3	Xây dựng phương án phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông quy mô cấp tỉnh tích hợp/đồng bộ với Quy hoạch tỉnh	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2021 - 2025
4	Tổ chức đánh giá, báo cáo thực hiện Quy hoạch	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, ngành, các địa phương, các doanh nghiệp liên quan	Định kỳ hàng năm, 05 năm hoặc đột xuất
5	Rà soát các quy hoạch, dự án trên địa bàn địa phương bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông. Cập nhật nội dung Quy hoạch địa phương bảo đảm tuân thủ các định hướng phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông tại địa phương theo quy hoạch ngành quốc gia	Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố	Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2023 - 2025 (Thực hiện đồng thời, lồng ghép trong quá trình lập quy hoạch tỉnh)
II	Phát triển và sử dụng nguồn lực để thực hiện quy hoạch			

1	Rà soát văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, đề xuất, ban hành hoặc trình cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, ban hành (nếu có)	Các bộ, ngành, địa phương		2024 - 2025 (Lồng ghép với nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật)
2	Tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, quyết định bố trí ngân sách nhà nước để thực hiện các yêu cầu phát triển về hạ tầng thông tin và truyền thông phù hợp với yêu cầu thực tiễn và khả năng của ngân sách nhà nước trong từng thời kỳ.	Bộ Tài chính	Bộ Thông tin và Truyền thông, các cơ quan liên quan	Hàng năm
3	Thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch sử dụng đất 05 năm 2021 - 2025 của các tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050, trên cơ sở đó các địa phương triển khai thực hiện theo quyết định phê duyệt; thẩm tra khung chính sách về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo chức năng được giao, về đánh giá tác động môi trường khi thực hiện các dự án thuộc Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông.	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Các bộ, ngành, địa phương	Thực hiện lồng ghép với các nhiệm vụ theo chức năng nhiệm vụ được giao

PHỤ LỤC III

DANH MỤC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ LĨNH VỰC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG TRONG KỲ QUY HOẠCH

(Kèm theo Kế hoạch tại Quyết định số 805/QĐ-TTg ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Nhóm dự án	Đơn vị chủ trì, tổ chức, điều phối	Đơn vị phối hợp	Phân kỳ đầu tư	
				2021 - 2025	2026 - 2030
I	Nhóm dự án ưu tiên đầu tư theo Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050				

1	Nhóm dự án hạ tầng bưu chính, bao gồm cả các dự án phục vụ quản lý nhà nước về bưu chính	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ, ngành, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố, các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực TTTT và các đơn vị liên quan khác	X	X
2	Nhóm dự án hạ tầng số, bao gồm cả các dự án phục vụ quản lý nhà nước về viễn thông	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ, ngành, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố, các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực TTTT và các đơn vị liên quan khác	X	X
3	Nhóm dự án ứng dụng công nghệ thông tin, bao gồm cả các dự án phục vụ quản lý nhà nước về ứng dụng công nghệ thông tin.	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ, ngành, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố, các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực TTTT và các đơn vị liên quan khác	X	X
4	Nhóm dự án công nghiệp công nghệ thông tin, bao gồm cả các dự án phục vụ quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ thông tin.	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ, ngành, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố, các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực TTTT và các đơn vị liên quan khác	X	X
5	Nhóm dự án an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bao gồm cả các dự án phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng.	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ, ngành, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố, các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực TTTT và các đơn vị liên quan khác	X	X
6	Nhóm dự án hạ tầng số, bao gồm cả các dự án phục vụ quản lý nhà nước về viễn	Bộ, ngành, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực	Bộ, ngành, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ,	X	X

	thông.	thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố	Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố, các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực TTTT và các đơn vị liên quan khác		
7	Nhóm dự án ứng dụng công nghệ thông tin, bao gồm cả các dự án phục vụ quản lý nhà nước về ứng dụng công nghệ thông tin.	Bộ, ngành, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố	Bộ, ngành, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố, các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực TTTT và các đơn vị liên quan khác	X	X
8	Nhóm dự án công nghiệp công nghệ thông tin, bao gồm cả các dự án phục vụ quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ thông tin.	Bộ, ngành, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố	Bộ, ngành, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố, các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực TTTT và các đơn vị liên quan khác	X	X
9	Nhóm dự án an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bao gồm cả các dự án phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng.	Bộ, ngành, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố	Bộ, ngành, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố, các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực TTTT và các đơn vị liên quan khác	X	X
10	Nhóm dự án hạ tầng bưu chính.	Các doanh nghiệp trong lĩnh vực TTTT	Bộ, ngành, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố, các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực TTTT và các đơn vị liên quan khác	X	X
11	Nhóm dự án hạ tầng số, bao gồm cả các dự án cung cấp thông tin phục vụ quản lý nhà nước về viễn thông.	Các doanh nghiệp trong lĩnh vực TTTT	Bộ, ngành, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố, các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực TTTT và các	X	X

			đơn vị liên quan khác		
12	Nhóm dự án ứng dụng công nghệ thông tin	Các doanh nghiệp trong lĩnh vực TTTT	Bộ, ngành, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố, các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực TTTT và các đơn vị liên quan khác	X	X
13	Nhóm dự án công nghiệp công nghệ thông tin	Các doanh nghiệp trong lĩnh vực TTTT	Bộ, ngành, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố, các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực TTTT và các đơn vị liên quan khác	X	X
14	Nhóm dự án an toàn thông tin mạng, an ninh mạng	Các doanh nghiệp trong lĩnh vực TTTT	Bộ, ngành, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố, các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực TTTT và các đơn vị liên quan khác	X	X
II Nhóm dự án, đề án đầu tư ưu tiên nghiên cứu, xây dựng và triển khai phù hợp với Quy hoạch phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông bao gồm nhưng không giới hạn các dự án sau:					
1	Nhóm dự án hạ tầng bưu chính				
1.1	Đến năm 2025: Hình thành 03 Trung tâm Bưu chính khu vực thuộc mạng bưu chính công cộng theo Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2024 tại 3 miền Bắc, Trung, Nam.	Doanh nghiệp bưu chính được chỉ định	Bộ Thông tin và Truyền thông, các bộ ngành, UBND tỉnh/thành phố liên quan	X	X
1.2	Đến năm 2025: Hình thành 14 Trung tâm Bưu chính vùng thuộc mạng bưu chính công cộng theo Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2024 tại các tỉnh Phú Thọ, Sơn La, Thái Nguyên,	Doanh nghiệp bưu chính được chỉ định	Bộ Thông tin và Truyền thông, các bộ ngành, UBND tỉnh/thành phố liên quan	X	X

	Hải Dương, Bắc Giang, Hải Phòng, Nam Định, Nghệ An, Khánh Hòa, Đắk Lắk, Bình Dương, Đồng Nai, Tiền Giang, Cần Thơ.				
1.3	Đến năm 2030: Xây dựng 3 - 5 Trung tâm Bưu chính khu vực thuộc mạng bưu chính công cộng theo Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11 tháng 01 năm 2024	Doanh nghiệp bưu chính được chỉ định	Bộ Thông tin và Truyền thông, các bộ ngành, UBND tỉnh/thành phố liên quan	X	X
1.4	Đến năm 2030: Căn cứ theo nhu cầu phát triển, xây dựng mới các Trung tâm Bưu chính vùng theo Quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, nâng cấp từ 1 - 2 Trung tâm Bưu chính vùng trở thành Trung tâm Bưu chính khu vực.	Các doanh nghiệp bưu chính	Bộ Thông tin và Truyền thông, các bộ ngành, UBND tỉnh/thành phố liên quan	X	X
1.5	Xây dựng 3 trung tâm miền thuộc mạng bưu chính KT1 tại miền Bắc (Hà Nội), miền Trung (Đà Nẵng) và miền Nam (thành phố Hồ Chí Minh).	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ, ngành, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố, các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực TTTT và các đơn vị liên quan khác	X	X
2	Nhóm dự án hạ tầng số				
2.1	Hệ thống truyền dẫn quốc tế: - Thực hiện triển khai, đầu tư thêm từ 4 - 6 tuyến cáp quang biển, trong đó quy hoạch 01 tuyến cáp quang tại khu vực Vịnh Thái Lan. - Phát triển các tuyến cáp quang phục vụ kết nối liên vùng, liên Á trên các hành lang kinh tế Đông - Tây. - Duy trì và nâng cấp các tuyến cáp quang đất liền hiện	Doanh nghiệp viễn thông (Tập đoàn VNPT, Viettel, Tổng công ty MobiFone, công ty FPT Telecom, CMC Telecom, công ty cổ phần Hạ tầng Viễn thông quốc tế HITC, Tổng Công ty Công nghệ - Viễn thông Toàn cầu	Bộ Thông tin và Truyền thông	X	X

	có.	(GTEL ...)			
2.2	<p>Hệ thống truyền dẫn trực quốc gia:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mở rộng hệ thống truyền dẫn trực quốc gia theo trục Đông - Tây. - Bổ sung các điểm đầu nối và các phương thức kết nối khác vào tuyến truyền dẫn quốc gia. - Bổ sung tuyến cáp quang đường trục dọc theo đường cao tốc Bắc - Nam và các tuyến cao tốc xây mới. 	<p>Doanh nghiệp viễn thông (Tập đoàn VNPT, Viettel, Tổng công ty MobiFone, công ty FPT Telecom, CMC Telecom, công ty cổ phần Hạ tầng Viễn thông quốc tế HITC, Tổng Công ty Công nghệ - Viễn thông Toàn cầu (GTEL ...))</p>	<p>Bộ Thông tin và Truyền thông, các bộ ngành, UBND tỉnh/thành phố liên quan</p>	X	X
2.3	<p>Hệ thống truyền dẫn vệ tinh: Thay thế 02 vệ tinh Vinasat 1 và 2 theo lộ trình sử dụng.</p>	<p>Thực hiện theo phân công của Chính phủ</p>	<p>Các bộ: Thông tin và Truyền thông, Quốc phòng, Công an và các bộ ngành có liên quan</p>	X	X
2.4	<p>Hệ thống Internet Việt Nam:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trạm trung chuyển Internet quốc gia VNIX: Các điểm kết nối VNIX được thiết lập nhiều điểm ở các thành phố lớn như: Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh... và mở rộng tại các trung tâm dữ liệu vùng. - Hệ thống DNS quốc gia: Triển khai, thiết lập các cụm máy chủ tên miền DNS quốc gia lõi (primary) ở các thành phố lớn như: Hà Nội, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh... và mở rộng phân tán các cụm máy chủ tên miền DNS quốc gia thứ cấp (secondary) trong nước, ngoài nước. 	<p>Bộ Thông tin và Truyền thông</p>	<p>Các cơ quan, đơn vị có liên quan</p>	X	X

2.5	Hạ tầng Internet vạn vật (IoT): Phát triển các trung tâm dữ liệu biên, kết nối với các trung tâm dữ liệu; Xây dựng nền tảng quản lý và chia sẻ dữ liệu IoT toàn diện, khai thác đầy đủ giá trị của dữ liệu từ nhiều nguồn khác nhau.	Các doanh nghiệp thông tin và truyền thông	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	X	X
2.6	Mạng truyền dẫn, phát sóng Phát thanh - Truyền hình: - Xây dựng và phân bổ hệ thống truyền dẫn, phát sóng phát thanh số trên toàn quốc. - Nâng cấp hệ thống truyền dẫn, phát sóng truyền hình số theo các tiêu chuẩn truyền hình số hiện đại hơn.	Các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực thông tin và truyền thông, Đài Truyền hình Việt Nam	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	X	X
2.7	Mạng Truyền số liệu chuyên dùng: Xây dựng các trung tâm miền, trung tâm dự phòng; Trung tâm điều hành mạng tại Hà Nội và 03 trung tâm vận hành, khai thác mạng tại Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh.	Bộ Thông tin và Truyền thông, UBND Hà Nội, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh.	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	X	X
2.8	Mạng điện báo Hệ đặc biệt phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước: Xây dựng Đài trưởng mạng tại Hà Nội, đài trung tâm miền Trung tại Đà Nẵng, đài trung tâm miền Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh, đài điện báo tỉnh, đài điện báo huyện đảo và đài điện báo cơ động.	Bộ Thông tin và Truyền thông UBND Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh.	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	X	X
2.9	Xây dựng hạ tầng điện toán đám mây Chính phủ (CGC) thống nhất theo mô hình 1 + N trên cơ sở quy hoạch, kết nối đám mây của các cơ quan nhà nước tại các bộ, ngành, địa phương (AGC) nhằm tạo	Các bộ, ngành, địa phương, các doanh nghiệp thông tin và truyền thông	Các bộ, ngành, địa phương, các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực thông tin và truyền thông	X	X

	môi trường để lưu trữ, chia sẻ tài nguyên, phát triển dịch vụ dùng chung cho Chính phủ số trên quy mô toàn quốc được linh hoạt, hiệu quả, nhanh chóng; kết nối, khai thác hiệu quả các hệ thống đám mây của doanh nghiệp (EGC) để cung cấp hạ tầng điện toán đám mây cho Chính phủ số.				
2.10	Triển khai Trung tâm dữ liệu quốc gia theo quy định tại Nghị quyết số 175/NQ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Trung tâm dữ liệu quốc gia.	Bộ Công an	Các bộ ngành, địa phương	X	X
2.11	Hình thành và triển khai tối thiểu 02 trung tâm dữ liệu quốc gia.	Thực hiện theo phân công của Chính phủ	Các bộ ngành, địa phương	X	X
2.12	Hình thành và xây dựng tối thiểu 03 cụm trung tâm dữ liệu đa mục tiêu cấp quốc gia, các trung tâm dữ liệu đa mục tiêu cấp vùng, các trung tâm dữ liệu biên và trung tâm dữ liệu khu vực.	Các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực thông tin và truyền thông	Các bộ ngành, địa phương	X	X
3	Nhóm dự án hạ tầng ứng dụng công nghệ thông tin				
	Phát triển các nền tảng số quốc gia.	Các bộ, Ngành, địa phương và doanh nghiệp thuộc lĩnh vực thông tin và truyền thông	Bộ Thông tin và Truyền thông, các bộ ngành, địa phương		
4	Nhóm dự án An toàn thông tin mạng, an ninh mạng cho Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số				
4.1	Phát triển các hệ thống kỹ thuật để phục vụ hoạt động giám sát, bảo đảm an toàn không gian mạng Việt Nam.	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	X	X
4.2	Phát triển các hệ thống kỹ thuật để phục vụ hoạt động bảo đảm an toàn hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp				

<p>Phát triển các hệ thống bảo đảm an toàn thông tin của các bộ, ngành, địa phương và tập đoàn, tổng công ty nhà nước.</p>	<p>Các bộ, ngành, địa phương và tập đoàn, tổng công ty nhà nước</p>	<p>Bộ Thông tin và Truyền thông</p>	<p>x</p>	<p>x</p>
<p>Phát triển nền tảng điều hành, chỉ huy an toàn thông tin mạng tập trung để tăng cường khả năng kết nối, phân tích dữ liệu lớn, chia sẻ thông tin rủi ro an toàn thông tin mạng với 100% trung tâm điều hành an toàn thông tin mạng (SOC) của các cơ quan nhà nước, SOC của các doanh nghiệp viễn thông, SOC của các tập đoàn, tổng công ty; tăng cường năng lực dự báo sớm và cảnh báo sớm giúp cơ quan nhà nước ngăn chặn, xử lý kịp thời sự cố an toàn thông tin mạng, tránh thiệt hại trên diện rộng.</p>	<p>Bộ Thông tin và Truyền thông</p>	<p>Các cơ quan, đơn vị có liên quan</p>	<p>x</p>	<p>x</p>
<p>Phát triển Nền tảng cung cấp dịch vụ Trung tâm điều hành an toàn thông tin mạng (SOC) đáp ứng yêu cầu kết nối, chia sẻ thông tin góp phần bảo đảm an toàn thông tin mạng cho quá trình chuyển đổi số quốc gia: Giúp các bộ, ngành, địa phương giảm 90% khối lượng, thời gian triển khai mô hình “4 lớp” về bảo đảm an toàn thông tin mạng; nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin mạng cho các chủ quản hệ thống thông tin.</p>	<p>Các doanh nghiệp an toàn thông tin mạng</p>	<p>Bộ Thông tin và Truyền thông</p>	<p>x</p>	<p>X</p>
<p>Phát triển các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin cho điện toán đám mây dùng chung của Chính phủ, hạ tầng kết nối điện toán đám mây, phục vụ phổ cập dịch vụ điện toán đám mây.</p>	<p>Các doanh nghiệp an toàn thông tin mạng</p>	<p>Bộ Thông tin và Truyền thông</p>	<p>x</p>	<p>x</p>

	Phát triển các Nền tảng, hệ thống, giải pháp bảo đảm an toàn thông tin cho các hạ tầng kỹ thuật thiết yếu, quan trọng của quốc gia.	Bộ Công an	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	X	X
	Phát triển các Nền tảng, giải pháp bảo đảm an toàn thông tin cho chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực như y tế, giáo dục - đào tạo, thương mại, du lịch, nông nghiệp, hậu cần (logistics), tài nguyên - môi trường, sản xuất công nghiệp...	Các doanh nghiệp an toàn thông tin mạng	Bộ Thông tin và Truyền thông	X	X
4.3	Phát triển các hệ thống kỹ thuật để phục vụ hoạt động bảo đảm an toàn cho người dân trên môi trường mạng				
	Phát triển ứng dụng truy nhập Internet an toàn cho người dân.	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	X	X
	Phát triển các ứng dụng, công cụ rà soát, phát hiện khả năng thiết bị đầu cuối đã bị tấn công mạng, xâm nhập, lây nhiễm mã độc.	Các doanh nghiệp an toàn thông tin mạng	Bộ Thông tin và Truyền thông	X	X
	Phát triển các nền tảng phổ cập dịch vụ an toàn thông tin cơ bản.	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	X	X
	Phát triển các nền tảng tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về an toàn thông tin cho người sử dụng.	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	X	X
	Phát triển các nền tảng đào tạo, sát hạch trực tuyến kiến thức, kỹ năng an toàn thông tin cơ bản cho người sử dụng.	Các cơ sở đào tạo an toàn thông tin	Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Giáo dục và Đào tạo	X	X
	Phát triển nền tảng hỗ trợ bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng.	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có liên quan	X	X
	Phát triển hệ thống gán nhãn tín nhiệm mạng cho website của các cơ quan tổ chức.	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	X	X

	Phát triển các hệ thống kỹ thuật giám sát, thu thập, phân tích, phân loại, xử lý thông tin tiêu cực trên môi trường mạng.	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	X	X
	Phát triển năng lực kỹ thuật ngăn chặn nguồn tấn công mạng, nguồn thông tin vi phạm.	Doanh nghiệp viễn thông, internet	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	X	X
	Phát triển các hệ thống kỹ thuật giám sát tuân thủ của các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông, Internet, các doanh nghiệp, tổ chức cung cấp dịch vụ trên Internet.	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	X	X
4.4	Phát triển các hệ thống kỹ thuật để phục vụ hoạt động nghiên cứu, phát triển và làm chủ công nghệ, giải pháp an toàn thông tin mạng				
	Phát triển hệ thống đánh giá, kiểm định an toàn thông tin.	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	X	X
	Phát triển hệ thống hỗ trợ nghiên cứu, phân tích, tái hiện sự cố an toàn thông tin mạng.	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	X	X
	Phát triển trung tâm nghiên cứu, phát triển về an toàn thông tin mạng, tạo môi trường thuận lợi cho nghiên cứu, thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng mới.	Các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực thông tin và truyền thông	Bộ Thông tin và Truyền thông	X	X
	Phát triển nền tảng rà quét lỗ hổng bảo mật cho các ứng dụng Chính phủ điện tử của các bộ, ngành, địa phương nhằm phòng ngừa sự cố mất an toàn thông tin mạng.	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	X	X
4.5	Phát triển các hệ thống kỹ thuật nhằm phân tích, chia sẻ thông tin an toàn thông tin mạng. Nâng cao uy tín, ảnh hưởng và vai trò dẫn dắt của Việt Nam trong khu vực về an toàn thông tin mạng				
	Phát triển trung tâm phân tích và chia sẻ thông tin an toàn thông tin mạng (ISAC) để	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	X	X

	nâng cao khả năng kết nối, chia sẻ và nâng cao khả năng hội nhập quốc tế, uy tín quốc gia về an toàn thông tin mạng.				
5	Nhóm dự án công nghiệp công nghệ thông tin				
5.1	Xây dựng mới từ 2 - 3 khu công nghệ thông tin tập trung tại Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh và vùng phụ cận.	Các địa phương, bộ ngành có liên quan	Bộ Thông tin và Truyền thông	X	X
5.2	Xây dựng một số khu công nghệ thông tin tập trung ở các tỉnh, thành phố có đủ điều kiện:	Các địa phương, bộ ngành có liên quan	Bộ Thông tin và Truyền thông	X	X
	Vùng trung du và miền núi phía Bắc: Tổ chức không gian phát triển hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung phục vụ sản xuất phần cứng công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông tại các địa phương: Thái Nguyên, Lạng Sơn, Bắc Giang.			X	X
	Vùng đồng bằng sông Hồng: Các địa phương thuộc khu vực động lực phía Bắc, bao gồm: Hà Nội, Bắc Ninh, Quảng Ninh, Hải Phòng là các tiêu vùng đi đầu cả nước về nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực công nghệ thông tin, tập trung phát triển một số ngành sản xuất công nghiệp công nghệ thông tin và dịch vụ hiện đại như: công nghiệp điện tử công nghệ cao, sản xuất phần mềm, sản phẩm IoT... tham gia vào chuỗi sản xuất toàn cầu.			X	X
	Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung: Xây dựng Thanh Hóa, Nghệ An, Đà Nẵng, Thừa Thiên - Huế, Quy			X	X

<p>Nhon, Khánh Hòa thành các trung tâm lớn của vùng về phát triển công nghiệp công nghệ thông tin và là đầu mối liên kết của vùng với các vùng kinh tế khác của cả nước.</p>				
<p>Vùng Đông Nam Bộ: Phát triển vùng Đông Nam Bộ với hạt nhân là Thành phố Hồ Chí Minh về phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin và là trung tâm nghiên cứu, chuyên giao và ứng dụng về công nghiệp công nghệ thông tin của vùng và của cả nước. Khu vực 3 tỉnh Đồng Nai, Bình Dương và Bà Rịa - Vũng Tàu hình thành vùng động lực công nghiệp công nghệ thông tin, thu hút đầu tư sản xuất các sản phẩm điện, điện tử, các sản phẩm IoT,... phục vụ cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và chuyển đổi số tại Việt Nam.</p>			X	X
<p>Vùng Tây Nguyên: Xây dựng Buôn Mê Thuột trở thành trung tâm tiểu vùng Nam Tây Nguyên, thành phố PleiKu trở thành trung tâm tiểu vùng Bắc Tây Nguyên về phát triển một số dịch vụ, sản phẩm công nghệ số để giải quyết các bài toán xã hội, chuyển đổi số của khu vực, sản phẩm công nghiệp phần cứng công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông.</p>			X	X
<p>Vùng đồng bằng sông Cửu Long: Phát triển thành phố Cần Thơ thành trung tâm công nghiệp dữ liệu của khu vực, làm trung tâm phát triển công nghiệp công nghệ thông tin của vùng, nơi tập trung các</p>			X	X

dịch vụ và công nghiệp công nghệ thông tin đa dạng, chất lượng cao tập trung cho công cuộc chuyển đổi số lĩnh vực nông nghiệp và phát triển bền vững, ứng phó với biến đổi khí hậu của vùng.				
--	--	--	--	--